

Số: 12/QĐ-THNL

Noong Luống, ngày 02 tháng 06 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước; Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị trường học để thực hiện nhiệm vụ chi năm 2025**  
**Trường tiểu học xã Noong Luống**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn vào Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn vào Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào Quyết định số 176/QĐ- PGDĐT, ngày 22/05/2025. Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước; Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị trường học để thực hiện nhiệm vụ chi năm 2025;

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước; Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị trường học để thực hiện nhiệm vụ chi năm 2025 của Trường tiểu học xã Noong Luống.

( có biểu chi tiết kèm theo )

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận, tổ chuyên môn trong nhà trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### Nơi nhận:

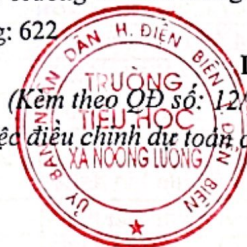
- Như Điều 3;
- Phòng GD&ĐT
- Phòng TC – KH
- KBNN huyện Điện Biên
- Lưu: VT.KT

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**TIỂU HỌC**  
**XÃ NOONG LUỐNG**  
  
**Trần Quang ngư**

Biểu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH xã Noong Luồng

Chương: 622



## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo QĐ số: 12/QĐ-THNL, ngày 02/06/2025 của hiệu trưởng trường TH xã Noong Luồng  
Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước; Giao bổ sung dự toán cho các đơn vị trường học để  
thực hiện nhiệm vụ chi năm 2025  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao bổ sung |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                         |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                           |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                           |
| 1          | Thu học phí                                        |                           |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                           |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> |                           |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                           |
|            | Chi hoạt động từ 60% được để lại                   |                           |
|            | Chi 40% bổ xung cái cách tiền lương                |                           |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                           |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                           |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                           |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                           |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                           |
| <b>I</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                           |
|            | Lệ phí...                                          |                           |
|            | Lệ phí...                                          |                           |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                           |
|            | Phí ...                                            |                           |
|            | Phí ...                                            |                           |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>355.508.355</b>        |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>355.508.355</b>        |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                           |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                           |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                           |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                           |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                           |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                           |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                           |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                           |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                           |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                           |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>355.508.355</b>        |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | <b>355.508.355</b>        |
|            | Chi thanh toán cá nhân                             |                           |
|            | Chi nghiệp vụ chuyên môn                           |                           |
|            | Chi khác                                           |                           |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                           |
|            | Kinh phí mua sắm thiết bị phụ vụ dạy và học        |                           |
|            | Hỗ trợ chi phí học tập                             |                           |
|            | Cấp bù học phí                                     |                           |
|            | Hỗ trợ ăn trưa trẻ 3-4-5T                          |                           |
|            | Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép                      |                           |
|            | Hỗ trợ học sinh khuyết tật                         |                           |



|            |                                                         |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 7.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 9.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |
| 10.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |
| 5.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1        | Dự án A                                                 |  |
| 6.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |

DIỆN  
NG  
HỌC  
GIỮNG

|           |                                                         |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|
| <b>2</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |
| 2.1       | Dự án A                                                 |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>3</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| 3.1       | Dự án A                                                 |  |
| 3.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>4</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| 4.1       | Dự án A                                                 |  |
| 4.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>5</b>  | <b>Chỉ bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1       | Dự án A                                                 |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>6</b>  | <b>Chỉ hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1       | Dự án A                                                 |  |
| 6.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>7</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1       | Dự án A                                                 |  |
| 7.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1       | Dự án A                                                 |  |
| 8.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1       | Dự án A                                                 |  |
| 9.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b> | <b>Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1      | Dự án A                                                 |  |
| 10.2      | Dự án B                                                 |  |

10/10/2020